

Bản án số: 39/2026/HS-ST

Ngày: 04/6/2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 - THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Dung

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hà Văn Bình; ông Hà Viết Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Thị Nhung – Thư ký TAND khu vực 12 - Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Triệu Thị Yến; bà **Nguyễn Thị Thu H** - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 6 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 12 - Thanh Hóa. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 27/2026/TLST-HS, ngày 16 tháng 4 năm 2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1008/2026/QĐXXST-HS, ngày 22 tháng 5 năm 2026, đối với các bị cáo:

1. Lục Văn M; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; sinh ngày: 13/10/1995, tại **xã T, tỉnh Thanh Hóa**; nơi cư trú: **thôn C, xã T, tỉnh Thanh Hóa**; Thẻ CCCD 038095000471, cấp ngày 10/5/2021, nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH; Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa 12/12; Dân tộc: Mường, Quốc tịch Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông **Lục Văn H1**, sinh năm 1975; con bà **Vi Thị T**, sinh năm: 1977; Vợ, con: Chưa; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 05/01/2026 đến ngày 14/01/2026 chuyển tạm giam, hiện đang tạm giam tại Phân trại tạm giam **H, Công an tỉnh T**. Bị cáo có mặt.

2. Bùi Thị P; giới tính: Nữ; tên gọi khác: Không; sinh ngày 05/01/1996 tại: **tỉnh Thanh Hóa; HKTT: Thôn C, xã T, tỉnh Thanh Hóa**. Thẻ CCCD 038196013535, cấp ngày 19/8/2021, nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH. Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 07/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Mường; Tôn giáo: Không; Con ông: **Bùi Văn H2** (đã chết); con bà: **Hà Thị Q**, sinh năm: 1977; Chồng: **Lữ Văn T1** (đã ly hôn); Con: có 02 con, con lớn sinh năm 2016, con nhỏ sinh năm 2019; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 05/01/2026 đến ngày 14/01/2026 chuyển tạm giam, hiện đang tạm giam tại Phân trại tạm giam Thanh Hoá, **Công an tỉnh T**, có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo **M**: Ông **Mai Văn B** - Luật sư **Văn phòng L2**; Địa chỉ: **SN G đường L, phường H, tỉnh Thanh Hóa, có mặt**

- Người làm chứng:

+ Anh **Hà Văn Q1**; Sinh năm: 1993; Địa chỉ: **Thôn B, xã V, tỉnh Thanh Hóa**, vắng mặt

+ Anh **Trương Ngọc L**; Sinh năm: 2002; Địa chỉ: **Thôn C, xã B, tỉnh Thanh Hóa**, vắng mặt

+ Anh **Lương Văn D**; Sinh năm: 1993; Địa chỉ: **Thôn B, xã V, tỉnh Thanh Hóa**, vắng mặt

+ Chị **Đỗ Thị M1**; Sinh năm: 1985; Địa chỉ: **Thôn G, xã N, tỉnh Thanh Hóa**, vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 28/12/2025, **Lục Văn M** đến **nhà nghỉ B1, thôn B, xã T, tỉnh Thanh Hóa** thuê phòng số 23 để nghỉ. Do bản thân muốn có ma túy để sử dụng và bán kiếm lời nên ngày 02/01/2026, **M** lên mạng xã hội Telegram để hỏi mua ma túy của một tài khoản có tên “Bố già”, người này đồng ý bán cho **M** 13.000.000 đồng ma túy loại hồng phiến và ma túy đá, rồi hẹn **M** đến khu vực **cầu H, khu phố Đ, xã T, tỉnh Thanh Hóa** đặt tiền ở chân cột biển **cầu H** rồi yêu cầu **M** đi bộ ra quán nước trong **thôn Đ**. Khoảng 30 phút sau **M** quay lại vị trí đặt tiền thì thấy sẵn 01 túi ma túy hồng phiến và 01 túi ma túy đá. **M** cất số ma túy trên vào người rồi đi bộ về phòng số 23 **nhà nghỉ B1**. Tại đây, **M** chia nhỏ số ma túy trên thành các túi nhỏ để bán kiếm lời. Cụ thể như sau:

Khoảng 13h30 phút, ngày 03/01/2026, **Hà Văn Q1**, sinh năm 1993 trú tại **thôn B, xã V** dùng số điện thoại 0366853637 gọi vào số 0813565444 của **M** để hỏi mua 1.500.000đ ma túy hồng phiến. **M** đồng ý và đưa số tài khoản 8840968231 **ngân hàng B2** chủ tài khoản **Lục Văn M** cho **Q1** chuyển tiền và hẹn **Q1** đến **nhà nghỉ B1** để nhận ma túy. Sau đó, **Q1** mượn điện thoại của **Lương Văn D**, sinh năm 1993 trú cùng **thôn B, xã V, tỉnh Thanh Hóa** để đăng nhập số tài khoản 3503281025690 **ngân hàng A1** chủ tài khoản là **Hà Văn Q1** chuyển số tiền 1.500.000đ cho **M**. Sau khi nhận được tiền của **Q1**, **M** gói 12 viên ma túy hồng phiến vào túi nilon bọc giấy màu trắng bên ngoài. Lúc này, **M** đang ở cùng **Bùi Thị P** tại phòng nghỉ **số B nhà N**, **M** đưa gói ma túy cho **P** và nói **P** cầm gói ma túy xuống cổng nhà nghỉ đặt cho khách đến mua ma túy để nhận. **P** cầm gói ma túy đi ra đầu cổng nhà nghỉ đặt gói ma túy lên viên đá trên tấm tôn rồi chụp ảnh vị trí đặt ma túy quay lên phòng đưa điện thoại cho **M** xem. Sau đó **M** thông báo vị trí đặt ma túy cho **Q1** đến lấy, theo hướng dẫn của **M**, **Q1** tìm thấy gói ma túy mang về nhà mở ra thấy bên trong có 12 viên ma túy hồng phiến, **Q1** một mình sử dụng hết.

Khoảng 4h30 phút ngày 04/01/2026, **Trương Ngọc L**, sinh năm 2002 trú tại **thôn C, xã B, tỉnh Thanh Hóa** gọi điện cho **M** hẹn đến phòng **M** chơi. Lúc này, **M** nói **P** đi ra ngoài mua đồ ăn sáng về phòng để ăn. Khi **P** đi ra ngoài thì **L**

đến phòng, **M** lấy 06 (sáu) viên ma túy hồng phiến và **bộ D2** sử dụng ma túy đã chuẩn bị sẵn để lên bàn trong phòng, **M** bỏ hồng phiến vào giấy bạc để đốt cho **M** sử dụng, tiếp theo **L** cũng tự bỏ ma túy lên giấy bạc đốt để sử dụng. Khi **M** và **L** đang sử dụng thì **P** từ ngoài vào phòng, **M** gọi **P** lại để sử dụng cùng, **M** đốt ma túy hồng phiến để **P** hút. Sử dụng hết 06 viên ma túy hồng phiến trên thì **P**, **M**, **L** ở lại trong phòng. Đến khoảng 9h30 cùng ngày Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy, **Công an tỉnh T** phối hợp với tổ công tác **Công an xã T**, tỉnh Thanh Hóa tiến hành kiểm tra **nhà nghỉ B1 tại thôn B, xã T, tỉnh Thanh Hóa**. Thời điểm kiểm tra tại phòng số 23 **nhà nghỉ B1** có 02 người nam giới và 01 người nữ giới trong phòng gồm: **Lục Văn M**, **Trương Ngọc L** và **Bùi Thị P**. Tại Cơ quan Công an **Lục Văn M** khai nhận vừa sử dụng trái phép ma túy hồng phiến và xin được đầu thú và thu giữ bộ dụng cụ **M**, **L**, **P** dùng để sử dụng ma túy. Ngoài ra, **Lục Văn M** còn xin đầu thú và tự nguyện giao nộp số ma túy **M** đang cất giấu tại phòng nghỉ **số B nhà N** nhằm mục đích bán cho người khác kiếm lời gồm: 05 (năm) túi nilon màu trắng viền xanh, kích thước khoảng (2x2)cm bên trong chứa các hạt tinh thể màu trắng - đỏ; 02 (hai) túi nilon màu trắng viền xanh, kích thước khoảng (2x2)cm bên trong chứa các hạt tinh thể màu trắng; 01 (một) gói giấy bạc, kích thước (2x1,5)cm bên trong chứa các hạt tinh thể màu trắng; 01 (một) túi nilon màu hồng, kích thước (5x8)cm bên trong chứa các viên nén hình tròn màu đỏ, xanh; 01 (một) túi nilon màu tím than, kích thước (5x8)cm bên trong chứa các viên nén hình tròn màu đỏ, xanh; 01 (một) túi nilon màu trắng, kích thước (4x1,5)cm bên trong chứa các viên nén hình tròn màu đỏ - xanh; 01 (một) túi nilon màu trắng viền xanh, kích thước khoảng (4x4)cm bên trong chứa 01 viên nén hình tròn màu đỏ; 01 (một) túi nilon màu trắng viền xanh, kích thước khoảng (1,5x1,5)cm bên trong chứa 12 viên nén hình tròn màu đỏ; 01 (một) túi nilon màu xanh, kích thước (4x2,5)cm bên trong chứa các viên nén hình tròn màu đỏ và khai nhận các hạt tinh thể màu trắng, trắng - đỏ là ma túy đá, các viên nén hình tròn màu đỏ, xanh là ma túy hồng phiến.

Tại Phòng nghỉ phát hiện và thu giữ 01 chai nhựa màu trắng bên trên nắp chai đục 02 lỗ; 01 ống hút nhựa màu trắng; 01 ống hút nhựa màu hồng; 01 mảnh giấy bạc. Các đối tượng **Lục Văn M**, **Trương Ngọc L** và **Bùi Thị P** khai nhận bản thân vừa sử dụng ma túy hồng phiến. Tổ công tác tiến hành thu giữ các đồ vật và lập biên bản sự việc.

Kết quả xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể đối với **Lục Văn M**, **Bùi Thị P**, **Trương Ngọc L** và **Hà Văn Q1** cho kết quả dương tính với chất ma túy loại Methamphetamine.

Tại bản kết luận giám định số 453/KL-KTHS ngày 13/01/2026 của **Phòng K1 Công an tỉnh T**, kết luận: “Các hạt tinh thể màu trắng – đỏ trong 05 túi nilon màu trắng viền xanh là ma túy, loại Methamphetamine, có tổng khối lượng 0,948g. Các hạt tinh thể màu trắng trong 02 túi nilon màu trắng viền xanh là ma túy, loại Methamphetamine, có tổng khối lượng 1,434g. Các hạt tinh thể màu trắng trong 01 gói giấy bạc là ma túy, loại Methamphetamine, có tổng khối lượng 0,022g. Các viên nén hình tròn màu đỏ trong các túi nilon màu hồng, màu

tím than, màu trắng là ma túy, có tổng khối lượng 28,048g, loại Methamphetamine. Các viên nén hình trong màu xanh trong các túi nilon màu hồng, màu tím than, màu trắng là ma túy, loại Methamphetamine, có tổng khối lượng 0,302g. Các viên nén hình tròn màu đỏ trong các túi nilon màu trắng viền xanh, túi nilon màu xanh là ma túy, loại Methamphetamine, có tổng khối lượng 2,446g”. Tổng khối lượng ma túy là 33,2 gam loại Methamphetamine.

Tại bản kết luận giám định số 454/KL-KTHS ngày 13/01/2026 của **Phòng K1 Công an tỉnh T** kết luận: “Tìm thấy chất ma túy, loại Methamphetamine trong mẫu nước tiểu của **Lục Văn M**, **Bùi Thị P** và **Trương Ngọc L** gửi giám định.

Tại bản kết luận giám định số 1609/KL-KTHS ngày 24/03/2026 của **Phòng K1 Công an tỉnh T** kết luận: “Tìm thấy 1458 cuộc gọi; 258) tin nhắn Facebook; 787 tin nhắn Message, 05 tin nhắn WhatsApp; 1953 tin nhắn zalo trong điện thoại di động nhãn hiệu Iphone Xs Max, số IMEI: 353096101916196, gắn sim số 0813565444” (thu giữ của **M**)

Kết quả sao kê số tài khoản 8840968231 của **Lục Văn M** tại **Ngân hàng B2** thể hiện hồi 13 giờ 46 phút 29 giây, ngày 03/01/2026 đã nhận số tiền 1.500.000đ từ số tài khoản 3503281025690 của **Hà Văn Q1** với nội dung “Ha Van Que chuyen tien”.

Kết quả kiểm tra thông tin chủ thuê bao số điện thoại 0813565444 từ ngày 01/01/2026 đến ngày 04/01/2026, tại mục cuộc gọi phát hiện trong khoảng thời gian từ 13h34 phút đến 13h58 phút, ngày 03/01/2026 có 07 cuộc gọi đến và đi với số điện thoại 0366853637 của **Hà Văn Q1**.

Tại bản Cáo trạng số 49/CT-VKSND-P1, ngày 13/4/2026 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa truy tố bị cáo **Lục Văn M** về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo điểm b khoản 3 Điều 251 Bộ luật Hình sự và tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” theo điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật hình sự; **Bùi Thị P** về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 –Thanh Hóa giữ nguyên quan điểm truy tố. Đề nghị HĐXX:

Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 251; điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 55; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025, xử phạt bị cáo **Lục Văn M** 15 năm 06 tháng đến 16 năm tù về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” và 07 năm 06 tháng đến 08 năm tù về tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”. Tổng hợp hình phạt của hai tội, buộc bị cáo **Lục Văn M** chấp hành hình phạt chung là 23 năm đến 24 năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ ngày 05/01/2026.

Căn cứ khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025, xử phạt bị cáo **Bùi Thị P** 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ ngày 05/01/2026.

Về vật chứng: Đề nghị tịch thu tiêu hủy toàn bộ vật chứng là ma túy còn lại sau giám định và các công cụ các bị cáo dùng để sử dụng trái phép chất ma túy. Tịch thu bổ sung Ngân sách nhà nước của **Lục Văn M** 01 điện thoại di động và 01 điện thoại của **Bùi Thị P**; Truy thu số tiền 1.500.000đ do bị cáo **M** bán ma túy mà có. Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung và miễn án phí cho các bị cáo.

Ý kiến bào chữa của ông **Mai Văn B** bào chữa cho bị cáo **Lục Văn M**: Thống nhất nội dung cáo trạng truy tố và bản luận tội của Đại diện viện kiểm sát. Đề nghị HĐXX xem xét các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo để lên mức thấp nhất của khung hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra **Công an tỉnh T**, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – Thanh Hóa, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng như bản cáo trạng đã nêu. Lời khai nhận của các bị cáo đã được thẩm tra tại phiên tòa, phù hợp với, tang vật thu được và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Do vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận: Ngày 03/01/2026, tại **nhà nghỉ B1, thôn B, xã T, tỉnh Thanh Hóa**, **Lục Văn M** đã có hành vi bán ma túy cho **Hà Văn Q1**, cất giấu 33,2g ma túy, loại Methamphetamine nhằm mục đích bán kiếm lời; **Bùi Thị P** đã có hành vi giúp sức cho **Lục Văn M** bán ma túy, loại Methamphetamine cho **Hà Văn Q1**. Ngoài ra, **Lục Văn M** còn cung cấp ma túy, chuẩn bị dụng cụ sử dụng ma túy và địa điểm tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, loại Methamphetamine cho **Trương Ngọc L** và **Bùi Thị P** sử dụng cùng với bản thân mình.

[2.1]. Hành vi bán ma túy cho **Hà Văn Q1** của bị cáo **Lục Văn M** và tàng trữ 33,2 gam loại Methamphetamine để bán kiếm lời đã đủ yếu tố cấu thành tội Mua bán trái phép chất ma túy quy định tại khoản 3 Điều 251 BLHS và hành vi cung cấp ma túy cho **P**, **L** sử dụng đã đủ yếu tố cấu thành tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy theo quy định tại khoản 2 Điều 255 BLHS.

[2.2]. Hành vi giúp sức cho bị cáo **M** bán ma túy cho **Q1** của **Bùi Thị P** đã đủ yếu tố cấu thành tội Mua bán trái phép chất ma túy quy định tại khoản 1 điều 151 BLHS. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa truy tố các bị cáo với tội danh, điều luật trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2.3]. Về nguồn gốc ma túy: **Lục Văn M** khai ngày 02/01/2026, thông qua mạng xã hội Telegram, **M** trao đổi mua của một tài khoản có tên “Bố già”. **M** nhận ma túy ở khu vực **cầu H, thôn Đ, xã T, tỉnh Thanh Hóa**. Trên cơ sở lời khai của bị can, Cơ quan điều tra đã tiến hành rà soát camera xác minh đặc điểm thông tin về người, trưng cầu khôi phục dữ liệu điện thoại của **Lục Văn M** nhưng không xác định được người bán ma túy cho **M** nên không có căn cứ để xử lý theo quy định của pháp luật.

[2.4]. Đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của **Bùi Thị P, Trương Ngọc L** và **Hà Văn Q1**: Quá trình điều tra xác định, **Lục Văn M** là cung cấp ma túy và chuẩn bị công cụ, địa điểm cho **P** và **Lê T2** sử dụng tại phòng số 23 **nhà nghỉ B1**. Do đó, **L** và **P** không đồng phạm với **M** về tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Kết quả xác minh tại địa phương **P, Q1**, Lê không thuộc các trường hợp bị xử lý theo Điều 256a Bộ luật hình sự. Cơ quan CSĐT **Công an tỉnh T** chuyển Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy - **Công an tỉnh T** Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với **Bùi Thị P, Trương Ngọc L** và **Hà Văn Q1** về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy” quy định tại điểm a khoản 1 Điều 30 nghị định 282/2025/NĐ-CP ngày 30/10/2025 của Chính phủ.

[2.5]. Đối với chị **Đỗ Thị M1** là người quản lý cơ sở lưu trú **nhà nghỉ B1** để xảy ra hoạt động mua bán trái phép chất ma túy, tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy trong khu vực quản lý. Nhưng khi phát hiện khách lưu trú có dấu hiệu sử dụng chất ma túy trong phòng, chị **M1** đã chủ động phối hợp với Cơ quan Công an để xác minh làm rõ hành vi vi phạm pháp luật. Việc **M** cất giấu ma túy, bán trái phép chất ma túy tại phòng 23 **nhà nghỉ B1** chị **Đỗ Thị M1** không biết, không được bàn bạc, thống nhất từ trước nên không có căn cứ để xử lý.

[2.6]. Đối với **Lương Văn D** là người cho **Q1** mượn điện thoại để **Q1** đăng nhập tài khoản ngân hàng chuyển tiền mua ma túy của **M**. **D** không biết việc **Q1** mượn điện thoại chuyển tiền mua ma túy, không biết **Q1** chuyển tiền cho ai, không tham gia chuyển tiền nên không có căn cứ để xử lý.

[3]. Xét tính chất, hành vi phạm tội của các bị cáo: Hành vi tổ chức sử dụng, mua bán trái phép chất ma túy của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến các nguyên tắc quản lý, sử dụng chất gây nghiện do Nhà nước độc quyền quản lý, làm ảnh hưởng đến trật tự trị an xã hội, là nguyên nhân dẫn đến nhiều loại tội phạm nguy hiểm khác. Các bị cáo nhận thức được tác hại của ma túy, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, nhưng vẫn cố tình thực hiện. Mặt khác, thời gian gần đây tệ nạn ma túy ngày càng phát sinh và phức tạp, đặc biệt là lứa tuổi thanh niên mới lớn. Không chịu lo làm ăn, sớm xa vào con đường tệ nạn, làm ảnh hưởng đến kinh tế gia đình và sự phát triển của xã hội. Do đó, việc áp dụng mức hình phạt thật nghiêm khắc với các bị cáo là

cần thiết nhằm giáo dục các bị cáo trở thành công dân tốt, đồng thời răn đe phòng ngừa tội phạm chung trong xã hội.

[4]. Xét vai trò của các bị cáo: Các bị cáo phạm tội không có sự bàn bạc từ trước, phân công vai trò vụ thể. Đó đó, đây là vụ án đồng phạm có tính chất giản đơn. Đối với tội Mua bán trái phép chất ma túy: Bị cáo **Lục Văn M** là người khởi xướng, tàng trữ ma túy để bán kiếm lời và là người hưởng lợi chính từ việc bán ma túy. Do đó, **M** có vai trò cao nhất. Bị cáo **P** biết **M** bán ma túy và đã giúp **M** đưa ma túy cho **Hà Văn Q1**, tuy nhiên **P** chỉ bán ma túy cùng **M** có 1 lần nên **P** đồng phạm với vai trò giúp sức và thuộc khoản 1 Điều 151 Bộ luật hình sự. Đối với hành vi Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy **M** là người cung cấp ma túy cho **P** và **Lê H3** và tự hút. **P** và **Lê K** chuẩn bị ma túy, công cụ, phương tiện hay địa điểm để tổ chức sử dụng ma túy cùng **M** nên không đồng phạm với **M** về tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy.

[5]. Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên toà các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Sau khi phạm tội đã tự nguyện đầu thú. Bị cáo **M** là thân nhân gia đình có công với cách mạng, có bà nội **Phạm Thị Đ** được Huy hiệu 55 tuổi Đảng; Bằng khen của Chủ tịch **UBND tỉnh T** và Kỷ niệm chương do Bộ trưởng chủ nhiệm Ủy ban dân tộc tặng; Ông ngoại là **Vi Văn H4** được nhà nước truy tặng Huân chương chiến sĩ giải phóng hạng nhất và hạng nhì trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Do đó các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Căn cứ nhân thân, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ, tính chất, vai trò phạm tội của các bị cáo, hội đồng xét xử xét thấy, cần lên với các bị cáo một mức án thật nghiêm khắc và cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian. Tuy nhiên các bị cáo tuổi đời còn trẻ, là người dân tộc thiểu số sinh sống tại vùng kinh tế đặc biệt khó khăn, nhận thức pháp luật còn hạn chế do đó khi lên mức hình phạt cần xem xét cho các bị cáo mức hình phạt phù hợp đảm bảo tính nhân văn và sự khoan hồng của pháp luật.

[6]. Về hình phạt bổ sung: Xét thấy các bị cáo là đối tượng nghiện ma túy, không có công ăn việc làm, không có thu nhập ổn định, nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[7]. Về xử lý vật chứng của vụ án:

- Cần tuyên tịch thu tiêu hủy: Toàn bộ bao gói mở niêm phong và số ma túy còn lại sau giám định gồm: 0,922g các hạt tinh thể màu trắng- đỏ của 05 túi nilon màu trắng viền xanh, kích thước khoảng (2x2cm); 1,376g các hạt tinh thể màu trắng của 02 túi nilon màu trắng viền xanh, kích thước khoảng (2x2)cm; 0,015g các hạt tinh thể màu trắng của 01 gói giấy bạc, kích thước khoảng (2x1,5)cm; 26,666g các viên nén hình tròn màu đỏ của các túi nilon màu hồng, túi nilon màu tím than, túi nilon màu trắng; 2,153g các viên nén hình tròn màu đỏ của các túi nilon màu trắng viền xanh, túi nilon màu xanh. Tất cả được đựng trong một túi niêm phong mã số PS2 2004164, được dán kín niêm phong bởi các chữ ký ghi rõ họ tên **Lại Thị Thanh L1**, **Hoàng Văn T3** và các hình dấu của

Phòng K1 Công an tỉnh T; 01 chai nhựa màu trắng bên trên nắp chai đục 02 lỗ; 01 ống hút nhựa màu trắng; 01 ống hút nhựa màu hồng; 01 mảnh giấy bạc

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone Xs Max, số IMEI: 358733095262220, gắn sim số 0343643677; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone Xs Max, số IMEI: 353096101916196, gắn sim số 0813565444 (sau trung cầu) được đựng trong phong bì do **Công an tỉnh T** phát hành rồi dán kín, niêm phong bởi chữ ký tên **Lưu Xuân A**, **Bùi Xuân C** và các hình dấu của **Phòng K1 Công an tỉnh T** là vật chứng liên quan đến hành vi phạm tội nên tịch thu bổ sung ngân sách nhà nước.

Đối với số tiền 1.500.000đ là tiền bị cáo **M** thu lời bất chính do bán ma túy mà có, nên truy thu bổ sung ngân sách nhà nước.

[8]. Về án phí: Các bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống tại vùng đặc biệt khó khăn, có đơn xin miễn án phí, nên miễn toàn bộ án phí cho các bị cáo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 251; điểm b khoản 2 Điều 255; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 55; Điều 47; Điều 58 Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 136; Điều 106; Điều 331; Điều 333 Bộ luật TTHS; khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, của Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên bố: Bị cáo **Lục Văn M** phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

Xử phạt: Bị cáo **Lục Văn M** 15 năm 06 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và 07 năm 06 tháng tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Tổng hợp hình phạt chung của 2 tội, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt là 23 (Hai mươi ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ (05/01/2026).

2. Căn cứ khoản 1 Điều 251; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 47; Điều 58 Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 136; Điều 106; Điều 331; Điều 333 Bộ luật TTHS; khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, của Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên bố: Bị cáo **Bùi Thị P** phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”

Xử phạt: Bị cáo **Bùi Thị P** 03 năm 06 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ (05/01/2026).

Về tang vật của vụ án: Tuyên tịch thu tiêu hủy toàn bộ bao gói mở niêm phong và số ma túy còn lại sau giám định gồm: 0,922g các hạt tinh thể màu trắng- đỏ của 05 túi nilon màu trắng viền xanh, kích thước khoảng (2x2cm); 1,376g các hạt tinh thể màu trắng của 02 túi nilon màu trắng viền xanh, kích thước khoảng (2x2cm); 0,015g các hạt tinh thể màu trắng của 01 gói giấy bạc, kích thước khoảng (2x1,5)cm; 26,666g các viên nén hình tròn màu đỏ của các

túi nilon màu hồng, túi nilon màu tím than, túi nilon màu trắng; 2,153g các viên nén hình tròn màu đỏ của các túi nilon màu trắng viên xanh, túi nilon màu xanh. Tất cả được đựng trong một túi niêm phong mã số PS2 2004164, được dán kín niêm phong bởi các chữ ký ghi rõ họ tên **Lại Thị Thanh L1**, **Hoàng Văn T3** và các hình dấu của **Phòng K1 Công an tỉnh T**; 01 chai nhựa màu trắng bên trên nắp chai đục 02 lỗ; 01 ống hút nhựa màu trắng; 01 ống hút nhựa màu hồng; 01 mảnh giấy bạc.

Tịch thu bổ sung ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone Xs Max, số IMEI: 358733095262220, gắn sim số 0343643677; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone Xs Max, số IMEI: 353096101916196, gắn sim số 0813565444.

(Các vật chứng trên hiện đang được lưu kho tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 12 – Thanh Hóa. Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 22/4/2026)

Truy thu bổ sung ngân sách nhà nước của bị cáo **Lục Văn M** số tiền 1.500.000đ.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về án phí: Miễn toàn bộ án phí HSST cho các bị cáo.

Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 12 – Thanh Hóa;
- VKSND tỉnh Thanh Hoá;
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa;
- Các bị cáo;
- Các cơ quan hữu quan;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị D1